

DANH SÁCH HỌC SINH/ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP K50(2022-2025) và K51(2023-2025) Liên thông
(Kèm theo Quyết định số 135 ngày 15/4/2025 của Hiệu trưởng Trường CĐ Công nghệ, Kinh tế và Chế biến Lâm sản)

I. Trình độ trung cấp

1. Nghề Gia công và thiết kế sản phẩm mộc

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
			Lớp C							
1	1	1	Vũ Khánh Tuấn Anh	03/03/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.313	01/2025	Ghi chú
2	2	2	Tướng Văn Thuận	12/07/2006	Nam	Tuyên Quang	Giỏi	002.314	02/2025	
			Lớp D							
3	3	1	Nguyễn Phương Anh	13/10/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.315	03/2025	
4	4	2	Nguyễn Gia Bảo	23/09/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.316	04/2025	
5	5	3	Nguyễn Đức Duy	17/10/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.317	05/2025	
6	6	4	Vũ Hải Dương	03/05/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.318	06/2025	
7	7	5	Lê Thị Khánh Đan	13/03/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.319	07/2025	
8	8	6	Vũ Thị Hà	03/07/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.320	08/2025	
9	9	7	Ngô Thị Lệ Hằng	01/02/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.321	09/2025	
10	10	8	Hàn Thị Thu Hiền	05/02/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.322	10/2025	
11	11	9	Đinh Văn Hoàn	07/04/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.323	11/2025	
12	12	10	Mai Văn Hội	13/06/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.324	12/2025	
13	13	11	Nguyễn Hoàng Kha	16/06/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.325	13/2025	
14	14	12	Đinh Duy Khánh	02/09/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.326	14/2025	
15	15	13	Trần Bảo Lâm	29/04/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.327	15/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
16	16	14	Trần Quang Lâm	23/11/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.328	16/2025	
17	17	15	Lê Thị Thùy Linh	01/11/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.329	17/2025	
18	18	16	Vũ Thị Mai Linh	16/03/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.330	18/2025	
19	19	17	Nguyễn Thị Ái Ly	06/10/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.331	19/2025	
20	20	18	Bùi Hoàng Nam	10/10/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.332	20/2025	
21	21	19	Nguyễn Hoài Nam	04/08/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.333	21/2025	
22	22	20	Trịnh Thị Nga	01/01/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.334	22/2025	
23	23	21	Lương Thế Ngọc	06/05/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.335	23/2025	
24	24	22	Đậu Thị Thảo Nhi	19/03/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.336	24/2025	
25	25	23	Nguyễn Thị Nhung	10/01/2007	Nữ	Hồ Chí Minh	Khá	002.337	25/2025	
26	26	24	Vũ Văn Phúc	22/08/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.338	26/2025	
27	27	25	Hà Tiến Quân	15/11/2006	Nam	Tỉnh Nam Định	Khá	002.339	27/2025	
28	28	26	Nguyễn Anh Quân	18/03/2007	Nam	Tỉnh Hà Tĩnh	Trung bình	002.340	28/2025	
29	29	27	Đặng Thị Như Quỳnh	18/09/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.341	29/2025	
30	30	28	Đặng Thị Mai Sương	24/12/2007	Nữ	Bình Dương	Trung bình	002.342	30/2025	
31	31	29	Hồ Ngọc Thành	14/09/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.343	31/2025	
32	32	30	Nguyễn Văn Toán	01/10/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.344	32/2025	
33	33	31	Nguyễn Thị Trinh	25/05/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.345	33/2025	
34	34	32	Nguyễn Ngọc Vũ	18/03/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.346	34/2025	
35	35	33	Trần Huy Vũ	13/09/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.347	35/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
			Lớp E							
36	36	1	Nguyễn Thị Lan Anh	05/10/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.348	36/2025	
37	37	2	Nguyễn Thị Thùy Linh	16/09/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.349	37/2025	
38	38	3	Nguyễn Thị Lộc	14/06/2006	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.350	38/2025	
39	39	4	Hồ Thế Phong	23/07/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.351	39/2025	
40	40	5	Nguyễn Duy Quân	20/11/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.352	40/2025	
41	41	6	Trần Văn Quyền	27/01/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.353	41/2025	
42	42	7	Mai Xuân Quý	12/11/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.354	42/2025	
43	43	8	Cao Thị Như Quỳnh	27/06/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.355	43/2025	
44	44	9	Nguyễn Trường Sơn	27/06/2006	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.356	44/2025	
45	45	10	Hồ Thị Phương Thảo	02/11/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.357	45/2025	
46	46	11	Phan Văn Thắng	06/02/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.358	46/2025	
47	47	12	Nguyễn Thị Thu Thúy	20/04/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.359	47/2025	
48	48	13	Hoàng Thùy Trang	08/09/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.360	48/2025	
49	49	14	Nguyễn Thu Trang	27/12/2006	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.361	49/2025	
50	50	15	Vũ Thị Thu Trang	28/05/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.362	50/2025	
51	51	16	Nguyễn Thị Trâm	24/09/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.363	51/2025	
52	52	17	Lê Đăng Trung	01/12/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.364	52/2025	
53	53	18	Trịnh Hồng Vân	20/01/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.365	53/2025	
54	54	19	Nguyễn Tuấn Việt	03/02/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.366	54/2025	
55	55	20	Lê Thị Vy	01/06/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.367	55/2025	
56	56	21	Nguyễn Đàm Ý Vy	29/11/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.368	56/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
2. Nghề Kỹ thuật điêu khắc gỗ										
			Lớp II							
57	1	1	Nguyễn Đông Anh	06/05/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.369	57/2025	
58	2	2	Nguyễn Thị Bình	04/05/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Giỏi	002.370	58/2025	
59	3	3	Hồ Hải Cảnh	07/12/2006	Nam	Tỉnh Nghệ An	Giỏi	002.371	59/2025	
60	4	4	Nguyễn Nhất Duy	25/12/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.372	60/2025	
61	5	5	Ngô Thị Hồng Hà	26/11/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.373	61/2025	
62	6	6	Bùi Văn Hiệp	24/05/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.374	62/2025	
63	7	7	Trần Nguyễn Huy Hoàng	28/12/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.375	63/2025	
64	8	8	Trần Văn Hòa	08/10/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.376	64/2025	
65	9	9	Lê Khánh Huyền	19/02/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.377	65/2025	
66	10	10	Trần Thẩm Hương	11/05/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.378	66/2025	
67	11	11	Nguyễn Duy Khánh	15/03/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.379	67/2025	
68	12	12	Nguyễn Trần Đức Khánh	16/12/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.380	68/2025	
69	13	13	Đậu Thị Trà My	04/11/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.381	69/2025	
70	14	14	Lê Anh Ngọc	06/04/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.382	70/2025	
71	15	15	Nguyễn Hồ Cao Nguyên	26/11/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.383	71/2025	
72	16	16	Trần Văn Nhân	28/11/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.384	72/2025	
73	17	17	Vũ Thị Quỳnh Như	21/07/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.385	73/2025	
74	18	18	Trần Đức Phú	07/07/2006	Nam	Hồ Chí Minh	Trung bình	002.386	74/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
75	19	19	Hoàng Đình Phương	20/04/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.387	75/2025	
76	20	20	Phạm Thị Quỳnh Phương	11/02/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Giỏi	002.388	76/2025	
77	21	21	Bùi Thị Xuân Quỳnh	30/06/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.389	77/2025	
78	22	22	Chu Nguyễn Ái Quỳnh	26/11/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.390	78/2025	
79	23	23	Hồ Mai Sen	16/01/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.391	79/2025	
80	24	24	Trương Văn Sơn	02/04/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.392	80/2025	
81	25	25	Lê Đức Anh Tài	07/11/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.393	81/2025	
			Lớp 12							
82	26	1	Trần Thị Mai Anh	04/12/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.394	082/2025	
83	27	2	Hồ Lý Thùy Chi	14/07/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.395	083/2025	
84	28	3	Lê Xuân Chiến	26/02/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.396	084/2025	
85	29	4	Lê Quốc Cường	19/07/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.397	085/2025	
86	30	5	Đặng Thị Hà Giang	19/12/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.398	086/2025	
87	31	6	Bùi Đình Hào	23/07/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.399	087/2025	
88	32	7	Vũ Nhật Linh	27/10/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.400	088/2025	
89	33	8	Phạm Thị Lê Na	30/08/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.401	089/2025	
90	34	9	Dương Hữu Nhân	02/08/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.402	090/2025	
91	35	10	Hoàng Thị Quỳnh Nhi	10/07/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.403	091/2025	
92	36	11	Lê Thị Thùy Nhi	18/01/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.404	092/2025	
93	37	12	Vũ Tú Nhi	05/12/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.405	093/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
94	38	13	Nguyễn Thị Kim Oanh	13/06/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.406	094/2025	
95	39	14	Bùi Thị Thanh Phương	18/06/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.407	095/2025	
96	40	15	Trần Phương Thảo	29/04/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Giỏi	002.408	096/2025	
97	41	16	Lê Thị Thu	16/05/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.409	097/2025	
98	42	17	Hồ Thị Thủy Tiên	11/09/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Giỏi	002.410	098/2025	
99	43	18	Trần Văn Tiến	22/07/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.411	099/2025	
100	44	19	Hồ Thị Huyền Trang	13/10/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.412	100/2025	
101	45	20	Trần Minh Trí	26/03/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.413	101/2025	
102	46	21	Nguyễn Thị Vân	03/11/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.414	102/2025	
103	47	22	Trần Yến Vi	17/12/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.415	103/2025	
104	48	23	Trần Thị Phương Vy	07/08/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.416	104/2025	
			Lớp I3							
105	49	1	Hoàng Việt Anh	27/11/2007	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Trung bình	002.417	105/2025	
106	50	2	Nguyễn Thị Ngọc Anh	27/11/2007	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Trung bình	002.418	106/2025	
107	51	3	Đặng Hoàng Ân	04/02/2007	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Trung bình	002.419	107/2025	
108	52	4	Phùng Gia Bảo	01/02/2007	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Trung bình	002.420	108/2025	
109	53	5	Nguyễn Văn Nhất Duy	01/04/2007	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Trung bình	002.421	109/2025	
110	54	6	Lê Thị Ánh Dương	06/06/2007	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Trung bình	002.422	110/2025	
111	55	7	Lê Thị Hồng Đào	01/02/2007	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Khá	002.423	111/2025	
112	56	8	Nguyễn Thanh Hà	24/06/2007	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Trung bình	002.424	112/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
113	57	9	Phạm Thị Thu Hằng	02/12/2007	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Khá	002.425	113/2025	
114	58	10	Thiều Thị Hân	28/08/2007	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Trung bình	002.426	114/2025	
115	59	11	Đỗ Văn Hoà	27/12/2006	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Khá	002.427	115/2025	
116	60	12	Thiều Bá Hoàng	19/05/2006	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Khá	002.428	116/2025	
117	61	13	Trần Văn Hoàng	05/06/2007	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Trung bình	002.429	117/2025	
118	62	14	Lưu Thị Hồng	08/08/2007	Nữ	Tỉnh Thanh Hóa	Khá	002.430	118/2025	
119	63	15	Trịnh Văn Hùng	21/12/2007	Nam	Tỉnh Bình Dương	Trung bình	002.431	119/2025	
120	64	16	Trịnh Xuân Khanh	24/02/2007	Nam	Tỉnh Thanh Hóa	Trung bình	002.432	120/2025	

3. Nghề Kỹ thuật sơn mài và khảm trai

			Lớp T1							
121	1	1	Đặng Ngọc Thái An	19/11/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.433	121/2025	
122	2	2	Nguyễn Phạm Phương Anh	20/11/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.434	122/2025	
123	3	3	Nguyễn Gia Bảo	31/10/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.435	123/2025	
124	4	4	Hồ Tiến Cần	12/10/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.436	124/2025	
125	5	5	Đặng Hoàng Dũng	10/02/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.437	125/2025	
126	6	6	Lê Đình Gia	30/11/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.438	126/2025	
127	7	7	Hồ Thị Hà Giang	15/11/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.439	127/2025	
128	8	8	Nguyễn Thị Vân Giang	01/11/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.440	128/2025	
129	9	9	Hồ Thị Hồng Hải	11/11/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Giỏi	002.441	129/2025	
130	10	10	Lê Thị Thu Hằng	13/08/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.442	130/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
131	11	11	Chu Thế Huy	19/04/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.443	131/2025	
132	12	12	Nguyễn Thị Ngọc Hương	02/09/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.444	132/2025	
133	13	13	Nguyễn Quang Khải	22/03/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Giỏi	002.445	133/2025	
134	14	14	Nguyễn Phạm Hà Ly	21/08/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.446	134/2025	
135	15	15	Trần Thị Trúc Ly	13/12/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.447	135/2025	
136	16	16	Hoàng Việt Mạnh	06/10/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Giỏi	002.448	136/2025	
137	17	17	Đậu Thị Hồng Nhung	20/07/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.449	137/2025	
138	18	18	Trần Thị Mai Phương	14/04/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.450	138/2025	
139	19	19	Nguyễn Hải Quân	17/07/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Giỏi	002.451	139/2025	
140	20	20	Lê Vũ Bảo Quốc	30/05/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.452	140/2025	
141	21	21	Lê Văn Quý	19/03/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.453	141/2025	
142	22	22	Hồ Ngọc Quỳnh	18/06/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.454	142/2025	
143	23	23	Lê Thị Phương Thảo	16/09/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.455	143/2025	
144	24	24	Chu Xuân Thắng	14/08/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.456	144/2025	
145	25	25	Lê Thị Thủy	10/01/2006	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.457	145/2025	
			Lớp T2							
146	26	1	Đinh Bảo Hùng	16/06/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.458	146/2025	
147	27	2	Lê Bùi Hồng Anh	29/12/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.459	147/2025	
148	28	3	Bùi Quốc Bảo	13/11/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.460	148/2025	
149	29	4	Ngô Gia Bảo	16/05/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.461	149/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
150	30	5	Nguyễn Thị Cúc	30/03/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.462	150/2025	
151	31	6	Hoàng Dũng	17/06/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.463	151/2025	
152	32	7	Nguyễn Thị Thùy Dương	28/11/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.464	152/2025	
153	33	8	Hồ Văn Đạt	01/11/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.465	153/2025	
154	34	9	Nguyễn Thị Thu Hằng	07/01/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.466	154/2025	
155	35	10	Nguyễn Thị Thanh Huyền	03/05/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.467	155/2025	
156	36	11	Vũ Đình Phú Hưng	30/09/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.468	156/2025	
157	37	12	Quan Minh Khôi	29/05/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.469	157/2025	
158	38	13	Nguyễn Thị Ngọc Linh	21/08/2007	Nữ	Bình Dương	Trung bình	002.470	158/2025	
159	39	14	Nguyễn Thị Thùy Linh	22/09/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.471	159/2025	
160	40	15	Trần Thị Cẩm Ly	21/06/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.472	160/2025	
161	41	16	Nguyễn Duy Mạnh	19/08/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.473	161/2025	
162	42	17	Lê Nhật Nam	28/06/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.474	162/2025	
163	43	18	Bùi Long Nhật	18/09/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Trung bình	002.475	163/2025	
164	44	19	Chu Thị Cẩm Nhung	26/10/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.476	164/2025	
165	45	20	Hoàng Thị Mai Thư	26/02/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Giỏi	002.477	165/2025	
166	46	21	Trần Thị Huyền Trang	22/05/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Giỏi	002.478	166/2025	
167	47	22	Chu Thị Việt Trinh	01/06/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.479	167/2025	
168	48	23	Nguyễn Tuấn Vũ	07/01/2007	Nam	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.480	168/2025	
169	49	24	Nguyễn Thị Phương Vy	26/11/2007	Nữ	Tỉnh Nghệ An	Khá	002.481	169/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
4. Nghề Điện Công nghiệp										
			Lớp CN3							
170	1	1	Nguyễn Quang An	28/01/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.482	170/2025	
171	2	2	Hồ Đức Anh	17/01/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.483	171/2025	
172	3	3	Nguyễn Quốc Ấn	16/07/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.484	172/2025	
173	4	4	Nguyễn Xuân Bắc	23/11/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.485	173/2025	
174	5	5	Nguyễn Quang Bình	28/01/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.486	174/2025	
175	6	6	Nguyễn Quyết Hữu Chiến	06/01/2007	Nam	Đồng Nai	Giỏi	002.487	175/2025	
176	7	7	Đỗ Ngọc Chuyên	29/11/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.488	176/2025	
177	8	8	Nguyễn Trường Giang	31/08/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.489	177/2025	
178	9	9	Phùng Trường Giang	13/11/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.490	178/2025	
179	10	10	Quyền Thế Hùng	08/11/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.491	179/2025	
180	11	11	Dương Văn Hường	17/11/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.492	180/2025	
181	12	12	Trần Văn Khải	18/08/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.493	181/2025	
182	13	13	Lê Đăng Khoa	11/12/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.494	182/2025	
183	14	14	Nguyễn Tiến Khương	06/06/2006	Nam	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.495	183/2025	
184	15	15	Bùi Tuấn Kiên	08/05/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.496	184/2025	
185	16	16	Quách Minh Đức Phát	21/11/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.497	185/2025	
186	17	17	Vũ Đặng Gia Phong	11/10/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.498	186/2025	
187	18	18	Vũ Tuấn Thành	10/01/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.499	187/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
188	19	19	Nguyễn Minh Thắng	25/11/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.500	188/2025	
189	20	20	Nguyễn Quyết Thắng	19/07/2007	Nam	Đồng Nai	Khá	002.501	189/2025	
190	21	21	Lê Mạnh Tuấn	22/09/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.502	190/2025	
191	22	22	Nguyễn Quốc Tuấn	12/06/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.503	191/2025	
192	23	23	Dương Hoàng Hiệp	04/01/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.504	192/2025	
193	24	24	Đoàn Ngọc Sơn	23/07/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.505	193/2025	
194	25	25	Nguyễn Thanh Tú	15/03/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.506	194/2025	
195	26	26	Nguyễn Xuân Tùng	15/01/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.507	195/2025	
			Lớp CN4							
196	27	1	Trần Tuấn Anh	02/04/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.508	196/2025	
197	28	2	Lê Văn Bình	29/03/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.509	197/2025	
198	29	3	Lê Mạnh Đức	11/04/2006	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.510	198/2025	
199	30	4	Lý Quốc Hào	17/01/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.511	199/2025	
200	31	5	Đặng Trung Hiếu	10/08/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.512	200/2025	
201	32	6	Nguyễn Văn Hiếu	02/02/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.513	201/2025	
202	33	7	Bùi Văn Huy	25/09/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.514	202/2025	
203	34	8	Lê Đức Huy	26/09/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.515	203/2025	
204	35	9	Lê Đức Trung Huy	06/10/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.516	204/2025	
205	36	10	Võ Văn Huy	20/05/2007	Nam	Bình Dương	Trung bình	002.517	205/2025	
206	37	11	Trần Văn Khang	20/05/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.518	206/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
207	38	12	Đào Xuân Nam	28/01/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.519	207/2025	
208	39	13	Lê Hữu Tài	03/11/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.520	208/2025	
209	40	14	Lê Văn Tâm	12/02/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.521	209/2025	
210	41	15	Lê Tư Thái	22/08/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.522	210/2025	
211	42	16	Chu Kim Khánh Toàn	09/10/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.523	211/2025	
212	43	17	Lê Thúc Trường	26/11/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.524	212/2025	
213	44	18	Lê Ích Tùng	18/01/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.525	213/2025	
214	45	19	Hà Văn Uyên	02/10/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.526	214/2025	
215	46	20	Lê Nhật Văn	01/01/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.527	215/2025	
216	47	21	Lại Hoàng Việt	13/12/2006	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.528	216/2025	
217	48	22	Vì Văn Vĩ	18/02/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.529	217/2025	
218	49	23	Lê Văn Hoàng Vũ	05/11/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.530	218/2025	
			Lớp CN5							
219	50	1	Nguyễn Việt Anh	15/06/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.531	219/2025	
220	51	2	Nguyễn Văn Chung	11/04/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.532	220/2025	
221	52	3	Đỗ Văn Cường	14/09/2006	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.533	221/2025	
222	53	4	Bùi Đình Duy	26/12/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.534	222/2025	
223	54	5	Trần Văn Duy	24/09/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.535	223/2025	
224	55	6	Lê Xuân Anh Dũng	13/07/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.536	224/2025	
225	56	7	Nguyễn Hồng Đại	11/11/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.537	225/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
226	57	8	Lê Xuân Bình Giang	12/12/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.538	226/2025	
227	58	9	Nguyễn Quang Huy	22/08/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.539	227/2025	
228	59	10	Hoàng Tiến Hùng	21/08/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.540	228/2025	
229	60	11	Trần Việt Hưng	06/10/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.541	229/2025	
230	61	12	Đỗ Văn Nam	08/08/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.542	230/2025	
231	62	13	Nguyễn Hoài Nam	30/08/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.543	231/2025	
232	63	14	Vũ Tiến Phú	10/05/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.544	232/2025	
233	64	15	Tổng Duy Quốc	04/09/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.545	233/2025	
234	65	16	Trần Thanh Sơn	12/06/2005	Nam	Đồng Nai	Trung bình	002.546	234/2025	
235	66	17	Lê Đình Thành	27/02/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.547	235/2025	
236	67	18	Nguyễn Công Thịnh	15/05/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.548	236/2025	
237	68	19	Lê Đình Tuấn	11/08/2006	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.549	237/2025	
238	69	20	Lê Đình Tuấn	29/09/2006	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.550	238/2025	
239	70	21	Nguyễn Văn Vũ	22/10/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.551	239/2025	

5. Nghề Điện Dân dụng

			Lớp DD4							
240	1	1	Lê Bá Đức Anh	18/11/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.552	240/2025	
241	2	2	Lê Trần Bảo	11/11/2007	Nam	TP Hà Nội	Trung bình	002.553	241/2025	
242	3	3	Lê Văn Chung	14/03/2007	Nam	Sơn La	Trung bình	002.554	242/2025	
243	4	4	Phạm Hữu Dương	16/04/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.555	243/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
244	5	5	Lê Kinh Đức	22/06/2007	Nam	Bình Dương	Khá	002.556	244/2025	
245	6	6	Lê Năng Hoàng Đức	24/05/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.557	245/2025	
246	7	7	Nguyễn Thọ Hôn	03/04/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.558	246/2025	
247	8	8	Lê Doãn Hùng	14/10/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.559	247/2025	
248	9	9	Đỗ Hữu Khánh	15/03/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.560	248/2025	
249	10	10	Hoàng Văn Kỳ	19/05/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.561	249/2025	
250	11	11	Nguyễn Mậu Long	30/07/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.562	250/2025	
251	12	12	Đỗ Văn Nam	19/02/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.563	251/2025	
252	13	13	Trịnh Đức Nhật	25/10/2006	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.564	252/2025	
253	14	14	Nguyễn Văn Thường	08/06/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.565	253/2025	
254	15	15	Đỗ Ngọc Tiên	21/08/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.566	254/2025	
255	16	16	Lê Hữu Tiến	03/02/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.567	255/2025	
256	17	17	Đỗ Minh Toàn	17/07/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.568	256/2025	
257	18	18	Ngô Đức Triệu	03/04/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.569	257/2025	
258	19	19	Nguyễn Anh Trường	23/11/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.570	258/2025	
259	20	20	Lê Trọng Tuấn	03/07/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.571	259/2025	
260	21	21	Lại Anh Tuấn	15/12/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.572	260/2025	
261	22	22	Hà Đình Tuấn Tú	20/03/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.573	261/2025	
262	23	23	Nguyễn Hà Anh Vũ	22/10/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.574	262/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
6. Nghề Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí										
			Lớp ĐH3							
263	1	1	Nguyễn Đức Anh	13/03/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.575	263/2025	
264	2	2	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	19/12/2007	Nam	Hưng Yên	Khá	002.576	264/2025	
265	3	3	Nguyễn Đức Cảnh	13/02/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.577	265/2025	
266	4	4	Đào Văn Công	09/11/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.578	266/2025	
267	5	5	Trần Văn Hiếu	01/10/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.579	267/2025	
268	6	6	Nguyễn Minh Khang	12/08/2007	Nam	TP Hà Nội	Giỏi	002.580	268/2025	
269	7	7	Nguyễn Ngọc Mạnh	11/03/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.581	269/2025	
270	8	8	Lê Minh Quang	28/04/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.582	270/2025	
271	9	9	Nguyễn Thành Trung	04/12/2007	Nam	Đồng Nai	Giỏi	002.583	271/2025	
7. Nghề Quản trị mạng máy tính										
			Lớp CP2							
272	1	1	Phạm An An	23/10/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.584	272/2025	
273	2	2	Nguyễn Đức Anh	26/03/2007	Nam	TP Hà Nội	Giỏi	002.585	273/2025	
274	3	3	Phạm Việt Anh	08/09/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.586	274/2025	
275	4	4	Phạm Thị Ngọc Ánh	04/12/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.587	275/2025	
276	5	5	Nguyễn Yến Chi	21/06/2007	Nữ	TP Hà Nội	Khá	002.588	276/2025	
277	6	6	Trương Văn Chung	05/08/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.589	277/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
278	7	7	Phạm Thị Thanh Diễm	19/08/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.590	278/2025	
279	8	8	Quyền Thành Đạt	14/09/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.591	279/2025	
280	9	9	Đỗ Trường Giang	30/06/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.592	280/2025	
281	10	10	Nguyễn Hương Giang	17/03/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.593	281/2025	
282	11	11	Nguyễn Duy Khánh	16/01/2006	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.594	282/2025	
283	12	12	Đào Quang Khải	13/05/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.595	283/2025	
284	13	13	Nguyễn Trung Kiên	26/05/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.596	284/2025	
285	14	14	Phạm Thị Hồng Liên	24/12/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.597	285/2025	
286	15	15	Ngô Hồng Mãi	17/05/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.598	286/2025	
287	16	16	Đinh Hải Nam	14/06/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.599	287/2025	
288	17	17	Lê Song Nga	27/04/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.600	288/2025	
289	18	18	Lê Uyên Nhi	27/04/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.601	289/2025	
290	19	19	Lê Minh Quyết	17/11/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.602	290/2025	
291	20	20	Nguyễn Nam Thái	29/05/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.603	291/2025	
292	21	21	Lê Minh Thắng	21/02/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.604	292/2025	
293	22	22	Ngô Minh Thông	19/07/2006	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.605	293/2025	
294	23	23	Phạm Huyền Thương	25/03/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.606	294/2025	
295	24	24	Lê Anh Tuấn	01/08/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.607	295/2025	
296	25	25	Lại Xuân Tường	20/03/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.608	296/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
			Lớp CP3							
297	26	1	Hoàng Đức Anh	28/10/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.609	297/2025	
298	27	2	Phạm Thị Diệu	15/03/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.610	298/2025	
299	28	3	Hồ Thành Dương	18/04/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.611	299/2025	
300	29	4	Trần Tuấn Đạt	31/01/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.612	300/2025	
301	30	5	Đinh Ngọc Hào	26/05/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.613	301/2025	
302	31	6	Nguyễn Văn Linh	10/04/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.614	302/2025	
303	32	7	Nguyễn Duy Mạnh	10/03/2007	Nam	TP Hải Phòng	Khá	002.615	303/2025	
304	33	8	Ngô Tuấn Minh	04/03/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.616	304/2025	
305	34	9	Trần Thế Nam	14/10/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.617	305/2025	
306	35	10	Vũ Hoàng Nhật	19/01/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.618	306/2025	
307	36	11	Nguyễn Đức Phát	06/05/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.619	307/2025	
308	37	12	Nguyễn Hồng Sâm	23/06/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.620	308/2025	
309	38	13	Đinh Văn Tuấn	20/06/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.621	309/2025	
			Lớp CP4							
310	39	1	Lê Nhật Hoàng	27/12/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.622	310/2025	
311	40	2	Trịnh Quốc Huy	14/08/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.623	311/2025	
312	41	3	Ngô Mạnh Hùng	25/06/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.624	312/2025	
313	42	4	Trịnh Xuân Khang	23/03/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.625	313/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
314	43	5	Trịnh Ngọc Khánh	02/12/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.626	314/2025	
315	44	6	Bùi Nhật Nam	10/12/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.627	315/2025	
316	45	7	Nguyễn Quang Nam	06/12/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.628	316/2025	
317	46	8	Trịnh Văn Nam	07/08/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.629	317/2025	
318	47	9	Nguyễn Minh Nghĩa	04/10/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.630	318/2025	
319	48	10	Nguyễn Trọng Ngọc	08/06/2006	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.631	319/2025	
320	49	11	Vũ Văn Ngọc	19/04/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.632	320/2025	
321	50	12	Nguyễn Đình Phát	23/04/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.633	321/2025	
322	51	13	Nguyễn Hoàng Phương	20/10/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.634	322/2025	
323	52	14	Trịnh Văn Sơn	13/08/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.635	323/2025	
324	53	15	Trịnh Đình Tiến	06/10/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.636	324/2025	
325	54	16	Lê Văn Tráng	03/08/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.637	325/2025	
326	55	17	Hoàng Xuân Trường	01/07/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.638	326/2025	
327	56	18	Lê Anh Tuấn	02/11/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.639	327/2025	
328	57	19	Nguyễn Anh Tú	02/11/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.640	328/2025	
329	58	20	Lê Xuân Tùng	30/09/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.641	329/2025	
330	59	21	Trịnh Ngọc Tùng	17/04/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.642	330/2025	
331	60	22	Trịnh Nguyên Vũ	29/10/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.643	331/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
8. Nghề Quản trị cơ sở dữ liệu										
			Lớp CP5							
332	1	1	Trịnh Thị Ánh	05/06/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.644	332/2025	
333	2	2	Lê Thị Quỳnh Chi	09/11/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.645	333/2025	
334	3	3	Lê Thị Yến Chi	09/11/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.646	334/2025	
335	4	4	Hoàng Thị Cẩm Duyên	15/02/2007	Nữ	Thanh Hóa	Trung bình	002.647	335/2025	
336	5	5	Phạm Thị Đào	26/08/2007	Nữ	Thanh Hóa	Trung bình	002.648	336/2025	
337	6	6	Lê Hương Giang	01/12/2007	Nữ	Thanh Hóa	Trung bình	002.649	337/2025	
338	7	7	Phạm Thị Thu Hằng	05/01/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.650	338/2025	
339	8	8	Lê Thị Hiếu	20/12/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.651	339/2025	
340	9	9	Nguyễn Thị Hiếu	14/04/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.652	340/2025	
341	10	10	Hồ Thị Hồng	18/04/2007	Nữ	Thanh Hóa	Trung bình	002.653	341/2025	
342	11	11	Lê Thúy Hồng	11/11/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.654	342/2025	
343	12	12	Khương Đan Lê	22/05/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.655	343/2025	
344	13	13	Hoàng Thị Linh	11/06/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.656	344/2025	
345	14	14	Lê Thị Thùy Linh	18/10/2007	Nữ	Bình Dương	Trung bình	002.657	345/2025	
346	15	15	Hoàng Hà Khánh Ly	10/09/2007	Nữ	TP Hồ Chí Minh	Khá	002.658	346/2025	
347	16	16	Trịnh Thị Cẩm Ly	18/12/2007	Nữ	Tỉnh Bình Dương	Trung bình	002.659	347/2025	
348	17	17	Nguyễn Thị Trà My	26/06/2007	Nữ	Thanh Hóa	Trung bình	002.660	348/2025	
349	18	18	Nguyễn Trần Yến Nhi	12/11/2007	Nữ	Thanh Hóa	Trung bình	002.661	349/2025	
350	19	19	Lê Thị Hồng Nhung	07/09/2007	Nữ	Bình Dương	Khá	002.662	350/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
351	20	20	Trịnh Thị Hồng Nhung	01/01/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.663	351/2025	
352	21	21	Trịnh Thị Thảo	16/07/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.664	352/2025	
353	22	22	Lê Thị Thúy	25/09/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.665	353/2025	
			Lớp CP6							
354	23	1	Nguyễn Việt Bắc	18/08/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.666	354/2025	
355	24	2	Bùi Văn Chiến	08/08/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.667	355/2025	
356	25	3	Trần Thị Dung	30/01/2007	Nữ	Thanh Hóa	Trung bình	002.668	356/2025	
357	26	4	Phùng Quang Dũng	20/12/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.669	357/2025	
358	27	5	Nguyễn Thị Thùy Dương	19/03/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.670	358/2025	
359	28	6	Bùi Thị Đào	27/01/2006	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.671	359/2025	
360	29	7	Chu Tuấn Đạt	20/12/2006	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.672	360/2025	
361	30	8	Đặng Hữu Đạt	02/12/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.673	361/2025	
362	31	9	Lê Hải Đăng	14/11/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.674	362/2025	
363	32	10	Bùi Tấn Huy	05/08/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.675	363/2025	
364	33	11	Bạch Mai Thảo Linh	31/10/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.676	364/2025	
365	34	12	Trịnh Ngọc Ninh	17/02/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.677	365/2025	
366	35	13	Vũ Đình Thắng	31/01/2007	Nam	Thanh Hóa	Khá	002.678	366/2025	
367	36	14	Vũ Anh Thương	24/05/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.679	367/2025	
368	37	15	Trịnh Huy Trung	17/10/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.680	368/2025	
369	38	16	Phạm Thị Ngọc Uyên	08/08/2007	Nữ	Bình Dương	Khá	002.681	369/2025	
370	39	17	Lê Quang Vinh	20/03/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.682	370/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
9. Nghề Kế toán doanh nghiệp										
			Lớp KT2							
371	1	1	Hoàng Tuấn Anh	21/09/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.683	371/2025	
372	2	2	Nguyễn Thị Phương Anh	26/05/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.684	372/2025	
373	3	3	Phạm Ngô Đức Lâm Anh	15/11/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.685	373/2025	
374	4	4	Trần Quốc Anh	02/07/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.686	374/2025	
375	5	5	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	07/12/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.687	375/2025	
376	6	6	Đỗ Công Bình	17/11/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.688	376/2025	
377	7	7	Nguyễn Đức Cảnh	22/01/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.689	377/2025	
378	8	8	Nguyễn Tấn Dũng	27/07/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.690	378/2025	
379	9	9	Trịnh Tiến Đạt	17/11/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.691	379/2025	
380	10	10	Nhữ Thị Hương Giang	21/01/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.692	380/2025	
381	11	11	Nguyễn Gia Huy	02/10/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.693	381/2025	
382	12	12	Nguyễn Văn Huy	07/02/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.694	382/2025	
383	13	13	Đào Trung Kiên	06/03/2006	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.695	383/2025	
384	14	14	Nguyễn Thị Thùy Linh	03/10/2006	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.696	384/2025	
385	15	15	Đặng Duy Long	08/04/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.697	385/2025	
386	16	16	Lê Văn Lực	04/08/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.698	386/2025	
387	17	17	Trần Thị Khánh Ly	23/06/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.699	387/2025	
388	18	18	Lại Xuân Nam	09/07/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.700	388/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
389	19	19	Nhữ Thị Ngọc Nga	23/02/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.701	389/2025	
390	20	20	Trịnh Thị Tuyết Ngân	25/06/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.702	390/2025	
391	21	21	Nguyễn Thị Ý Nhi	15/08/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.703	391/2025	
392	22	22	Trần Thị Yên Nhi	10/01/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.704	392/2025	
393	23	23	Lê Thị Phương Thảo	22/10/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.705	393/2025	
394	24	24	Phạm Tuấn Thoan	02/02/2006	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.706	394/2025	
395	25	25	Phạm Thị Hồng Thuý	11/11/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.707	395/2025	
396	26	26	Nguyễn Xuân Tiến	30/09/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.708	396/2025	
397	27	27	Nguyễn Văn Trường	03/02/2006	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.709	397/2025	
398	28	28	Bùi Anh Tuấn	17/07/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.710	398/2025	
399	29	29	Nguyễn Minh Tuấn	15/03/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.711	399/2025	
400	30	30	Phạm Anh Tú	23/04/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	002.712	400/2025	
401	31	31	Trần Hoàng Phương Uyên	16/05/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.713	401/2025	
402	32	32	Bùi Long Vũ	03/08/2007	Nam	Tỉnh Nam Định	Trung bình	002.714	402/2025	
403	33	33	Nguyễn Anh Vũ	30/11/2007	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.715	403/2025	
			Lớp KT3							
404	34	1	Phan Thị Minh Anh	17/11/2007	Nữ	Nam Định	Khá	002.716	404/2025	
405	35	2	Ngô Thị Hà Chín	01/08/2007	Nữ	Tỉnh Yên Bái	Giỏi	002.717	405/2025	
406	36	3	Trương Thị Thảo Duyên	17/09/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Giỏi	002.718	406/2025	
407	37	4	Lương Thị Hiên	29/10/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.719	407/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
408	38	5	Nguyễn Văn Hưng	26/09/2006	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.720	408/2025	
409	39	6	Lưu Thị Khánh Linh	15/03/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.721	409/2025	
410	40	7	Nguyễn Thị Anh Thư	12/03/2007	Nữ	Tỉnh Bến Tre	Giỏi	002.722	410/2025	
411	41	8	Đặng Thị Kiều Trang	16/05/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.723	411/2025	
412	42	9	Phạm Thị Hoài Vân	16/01/2007	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	002.724	412/2025	
			Lớp KT4							
413	43	1	Hoàng Trung Anh	19/10/2007	Nam	Bà Rịa-VT	Trung bình	002.725	413/2025	
414	44	2	Lê Đức Anh	18/04/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.726	414/2025	
415	45	3	Trần Thị Mai Anh	09/03/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.727	415/2025	
416	46	4	Trần Tuấn Anh	27/10/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.728	416/2025	
417	47	5	Trịnh Thị Mai Anh	08/03/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.729	417/2025	
418	48	6	Nguyễn Bùi Văn Ba	21/10/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.730	418/2025	
419	49	7	Hoàng Gia Bảo	04/07/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.731	419/2025	
420	50	8	Nguyễn Thị Dung	06/02/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.732	420/2025	
421	51	9	Lê Hữu Đông	14/12/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.733	421/2025	
422	52	10	Lê Hoàng Giang	19/05/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.734	422/2025	
423	53	11	Nguyễn Thị Hương Giang	25/01/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.735	423/2025	
424	54	12	Trương Văn Giáp	25/11/2007	Nam	Thanh Hóa	Trung bình	002.736	424/2025	
425	55	13	Trương Thị Hồng	07/07/2007	Nữ	Thanh Hóa	Trung bình	002.737	425/2025	
426	56	14	Huỳnh Thị Thu Huyền	28/05/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.738	426/2025	

TTK	N	TT	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Nơi sinh	Xếp hạng	Số hiệu bằng	Số vào sổ	Ghi chú
427	57	15	Trương Thị Thuỳ Linh	14/12/2007	Nữ	Thanh Hóa	Trung bình	002.739	427/2025	
428	58	16	Bùi Thị Tuyết Mai	30/06/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.740	428/2025	
429	59	17	Trịnh Thị Thuý Ngân	02/04/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.741	429/2025	
430	60	18	Nguyễn Thị Kim Oanh	10/11/2007	Nữ	Thanh Hóa	Khá	002.742	430/2025	
431	61	19	Bùi Thị Như Quỳnh	11/11/2007	Nữ	Thanh Hóa	Trung bình	002.743	431/2025	
432	62	20	Lê Thị Thanh Thuý	26/05/2007	Nữ	Thanh Hóa	Trung bình	002.744	432/2025	
433	63	21	Mai Thuỳ Trang	23/04/2007	Nữ	Thanh Hóa	Trung bình	002.745	433/2025	
434	64	22	Phạm Nguyễn Trúc Vi	02/05/2007	Nữ	Thanh Hóa	Trung bình	002.746	434/2025	

II. Trình độ cao đẳng

1. Nghề Quản trị mạng máy tính

435	1	1	Phạm Văn Đoàn	12/19/1996	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	000.26	01/2025	
436	2	2	Trương Văn Hoạt	4/22/2004	Nam	Tỉnh Hà Nam	Khá	000.27	02/2025	
437	3	3	Trương Thị Xuân Thảo	6/8/2003	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	000.28	03/2025	

2. Nghề Kế toán doanh nghiệp

438	4	1	Dương Thị Hồng Hà	12/23/2005	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Trung bình	000.29	04/2025	
439	5	2	Trần Thị Thảo	1/17/2005	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	000.30	05/2025	
440	6	3	Nguyễn Thị lan	9/2/2005	Nữ	Tỉnh Hà Nam	Khá	000.31	06/2025	

Trung cấp:

Cao đẳng:

434 học sinh

06 sinh viên